

ỨNG DỤNG TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ TRONG VIỆC TỰ LUYỆN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH

Phạm Trần Hoài An✉; Phạm Thị Thái Hà; Nguyễn Thùy An

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

✉phamtranhoaian@gmail.com

<https://doi.org/10.63506/jilc.0901.296>

(Nhận bài: 23/10/2024; Hoàn thành phản biện: 28/03/2025; Duyệt đăng: 03/04/2025)

Tóm tắt: Nghiên cứu này tìm hiểu phản hồi của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh về việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở (TNGDM) để tự luyện kỹ năng nói. Nghiên cứu được thực hiện trên 150 sinh viên ở miền Trung Việt Nam bằng bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. Kết quả cho thấy việc sử dụng TNGDM giúp sinh viên cải thiện từ vựng, phát âm, ngữ pháp và khắc phục các vấn đề ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi nói. Tuy nhiên, sinh viên cũng gặp một số thách thức như thiếu khả năng tự điều chỉnh bản thân, lúng túng trong lựa chọn nội dung phù hợp với trình độ và thiếu phản hồi chi tiết. Các phát hiện này hỗ trợ giảng viên trong việc hướng dẫn và khích lệ sinh viên khai thác hiệu quả TNGDM để nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh.

Từ khóa: Tài nguyên giáo dục mở, TNGDM, kỹ năng nói, tự luyện tập, sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh

1. Mở đầu

Mục đích chính của việc học ngoại ngữ là để có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ đó, bất kể ngôn ngữ thứ nhất của người học là gì (Yee & Abidin, 2014). Vì vậy, đối với sinh viên chuyên ngữ, việc thành thạo kỹ năng nói là điều cần thiết. Kỹ năng nói quan trọng ở chỗ, thông qua các hoạt động nói, “người học có thể củng cố từ vựng, ngữ pháp và các ngôn ngữ chức năng, đồng thời có cơ hội sử dụng kiến thức ngôn ngữ mới mà họ đang học” (Baker & Westrup, 2003, tr. 5).

Kỹ năng nói không những hỗ trợ cho quá trình học tiếng Anh, mà còn giúp cho người học có nhiều cơ hội học tập tốt hơn, tìm được việc làm tốt và thăng tiến trong sự nghiệp. Tuy nhiên, sinh viên chuyên ngữ cũng gặp một số hạn chế trong các lớp học nói như sĩ số lớp quá đông (trên 40 sinh viên/lớp) hay thời lượng học mỗi tuần còn ít (thông thường là 2 tiết) khiến họ chưa có nhiều cơ hội được thực hành và rèn luyện kỹ năng nói một cách thường xuyên. Do vậy, việc sinh viên chủ động tự luyện tập ngoài giờ lên lớp là yếu tố quan trọng góp phần giúp họ phát triển kỹ năng nói.

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, người học tiếng Anh có thể dễ dàng tiếp cận nhiều nguồn học liệu trực tuyến đa dạng để hỗ trợ cho việc học tập của mình. Trong đó, các tài nguyên giáo dục mở (TNGDM) – được hiểu là những nguồn học liệu được chia sẻ miễn phí và có thể truy cập trên Internet bởi bất kỳ ai nhằm phục vụ mục đích giáo dục – là nguồn thông tin có giá trị đối với người học. Một số nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng TNGDM có ảnh hưởng tích cực trong việc cải thiện kỹ năng nói của sinh viên nhờ vào việc sử dụng đa dạng các nguồn này trong quá trình học (Yunita & Ardi, 2022), qua đó giúp người học có cơ hội tiếp cận, trải nghiệm ngôn ngữ thực tế. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về phản hồi của sinh viên liên quan đến những lợi ích và thách thức trong quá trình sử dụng các nguồn tài

nguyên này tại Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm cung cấp một cái nhìn toàn diện hơn về những lợi ích và thách thức mà sinh viên gặp phải trong quá trình sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để giảng viên, sinh viên và các nhà quản lý giáo dục hiểu rõ hơn về vai trò của TNGDM trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo ngoại ngữ.

2. Cơ sở lý luận

2.1 Kỹ năng nói trong bối cảnh học tiếng Anh như một ngoại ngữ

Định nghĩa

Ở mức độ cơ bản, Al Nakhala (2016) định nghĩa “nói là việc truyền tải ngôn ngữ bằng lời. Khi nói, chúng ta tạo ra âm thanh bằng cách sử dụng các bộ phận cấu âm như phổi, dây thanh âm, dây thanh đới, lưỡi, răng, môi” (tr. 99). Ở mức độ phức tạp hơn, Burns và Joyce (1997, được trích dẫn bởi Torky, 2006) định nghĩa nói là một quá trình tương tác tạo ra ý nghĩa, bao gồm việc sản sinh, tiếp nhận và xử lý thông tin. Trong quá trình này, cấu trúc và ý nghĩa của lời nói phụ thuộc vào ngữ cảnh, bao gồm người tham gia, trải nghiệm của họ, môi trường, và mục đích của cuộc trò chuyện (Florez, 1999). Trong nghiên cứu này, kỹ năng nói được hiểu là kỹ năng nói trong việc học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Để đáp ứng các mục đích nêu trên, kỹ năng nói trong nghiên cứu này được định nghĩa là kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, và phát âm của ngôn ngữ đích để tham gia vào quá trình giao tiếp. Tuy nhiên, kỹ năng nói ở đây không chỉ giới hạn ở các yếu tố này mà còn bao gồm khả năng diễn đạt một cách trôi chảy, mạch lạc và khả năng thực hành ngữ dụng và tuân theo các quy tắc diễn ngôn của ngôn ngữ nói (Torky, 2006).

Những thách thức sinh viên thường gặp phải khi học kỹ năng nói

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng có hai loại thách thức chính mà người học thường gặp phải khi nói tiếng Anh: thách thức về ngôn ngữ và thách thức phi ngôn ngữ (Huynh, 2020; Luu, Do, & Ngo, 2024; Wahyuningsih & Afandi, 2020). Các yếu tố liên quan đến ngôn ngữ bao gồm ngữ pháp, phát âm, từ vựng, và ngữ nghĩa (Tran & Khau, 2024). Theo Saunders và O'Brien (2006), việc sử dụng đúng các yếu tố ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ của người học. Vì vậy, việc thiếu từ vựng, kiến thức ngữ pháp hạn chế, hay phát âm sai lệch sẽ gây ra những thách thức lớn khi nói tiếng Anh. Thực tế, nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh rằng các thách thức liên quan đến ngôn ngữ là yếu tố chính ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng nói tiếng Anh của người học (Afebri & Muhsin, 2019; Ork & cộng sự, 2024; Sayuri, 2016).

Bên cạnh đó, các thách thức phi ngôn ngữ cũng rất đa dạng. Arifin (2017) đã thực hiện một nghiên cứu về những ảnh hưởng tâm lý đến khả năng nói của học sinh, bao gồm cả sự thiếu tự tin và lo lắng. Những học sinh kém tự tin thường điều chỉnh hành vi của mình dựa trên cách người khác đánh giá và sợ mắc sai lầm. Cùng quan điểm này, Harmer (2001) cho rằng:

Học sinh thường không sẵn lòng nói vì họ cảm thấy ngại và không có khuynh hướng thể hiện bản thân trước người khác, đặc biệt là khi được yêu cầu nói về những thông tin cá nhân hoặc ý kiến của mình. Họ cũng thường xuyên lo lắng mình sẽ nói không tốt và mất mặt trước các bạn cùng lớp (tr. 345).

Một yếu tố khác ảnh hưởng đến kỹ năng nói của học sinh chính là động lực học tập. Thành công trong học tập phụ thuộc vào việc học sinh có động lực học hay không (Filgona &

cộng sự, 2020). Về phương diện nói tiếng Anh, Nunan (1999) cho rằng động lực là một yếu tố quan trọng trong việc xác định được mức độ sẵn sàng của người học khi tham gia vào quá trình giao tiếp. Một khó khăn khác là sự thiếu hụt trong việc luyện tập. Theo Ork và cộng sự (2024), việc người học thiếu từ vựng là một dấu hiệu cho thấy họ thiếu luyện tập, hoặc nguồn học liệu liên quan đến từ vựng của họ chưa đủ. Với sĩ số lớp đông và thời lượng học trên lớp hạn chế, cơ hội để người học thực hành kỹ năng nói là rất ít. Thiếu đi nguồn học liệu và luyện tập phù hợp, người học có khả năng cao sẽ gặp khó khăn trong việc nói. Đôi khi, người học còn bị ảnh hưởng bởi cách học truyền thống mà không biết được cách luyện tập nào là phù hợp.

2.2 Vai trò của tài nguyên giáo dục mở trong việc phát triển kỹ năng nói

Định nghĩa

Hiện nay, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về TNGDM được chấp nhận và sử dụng rộng rãi. Tại Phiên họp Hội nghị Toàn thể lần thứ 40, UNESCO định nghĩa TNGDM là các tài liệu học tập, giảng dạy và nghiên cứu ở bất kỳ định dạng hay phương tiện nào nằm trong phạm vi công cộng hoặc có bản quyền đã được phát hành theo giấy phép mở, cho phép người khác truy cập miễn phí, tái sử dụng, tái mục đích, điều chỉnh và phân phối lại (2019). Ngoài ra, Hýlen (2012) cũng cho rằng các TNGDM đa số được cung cấp trực tuyến và chỉ đôi khi xuất hiện dưới dạng bản in. Lê Trung Nghĩa (2016) đã đề cập đến 5 đặc trưng cơ bản của TNGDM, đó là: reuse (sử dụng lại), redistribution (phân phối lại), revise (làm lại), remix (pha trộn), retain (giữ lại).

TNGDM tồn tại ở nhiều hình thức khác nhau như video, hình ảnh, audio, sách giáo khoa mở, câu đố, đa phương tiện, bài giảng, v.v (Miao & cộng sự, 2019). Trong nghiên cứu này, khái niệm TNGDM được hiểu là các nguồn tài nguyên học tập trực tuyến được chia sẻ trên mạng Internet dưới dạng văn bản, hình ảnh, video, audio được tạo ra nhằm phục vụ mục đích học tập mà người học có thể truy cập miễn phí và không giới hạn. Để đảm bảo tính thống nhất trong việc sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói, các khách thể nghiên cứu được hướng dẫn, định hướng sử dụng các trang web là TNGDM. Các trang web luyện nói tiếng Anh miễn phí có nhiều tính năng và đặc điểm nổi trội như chủ đề, tài liệu hỗ trợ đa dạng, tích hợp công nghệ AI, và thiết kế thân thiện với người học. Một số trang web luyện nói miễn phí dành cho người học tiếng Anh được giới thiệu trong nghiên cứu này là Ejoy, British Council: Learning English Online, English Central, ESL Fast, VOA Learning English, Voicetube, v.v...

Lợi ích của việc sử dụng TNGDM

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu trước đây đã chỉ ra những lợi ích của việc sử dụng TNGDM trong việc học tiếng Anh như một ngoại ngữ. TNGDM cung cấp một loạt tài nguyên miễn phí, giúp người học tự học dễ dàng (Cooney, 2017) và giảm chi phí học tập, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho người học (Weller & cộng sự, 2015). Bên cạnh đó, TNGDM còn hỗ trợ “học tập di động”, cho phép người học học mọi lúc mọi nơi (Lin, 2019).

Riêng đối với việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh, một số nghiên cứu đã chỉ ra những ưu điểm của việc sử dụng TNGDM trong quá trình học kỹ năng này. Thứ nhất, TNGDM có tác động tích cực đến các yếu tố ngôn ngữ mà người học cần có để phát triển kỹ năng nói. TNGDM giúp người học cải thiện các khía cạnh như từ vựng, cú pháp, sự liên kết, phát âm, chức năng ý tưởng và sự lưu loát (Yunita & Ardi, 2022). Pachón (2015) cũng cho rằng giáo viên nhận thấy việc tiếp xúc với TNGDM giúp người học nâng cao các kỹ năng phụ như sự lưu loát, phát âm,

cách sử dụng ngôn ngữ và tính mạch lạc. Thứ hai, TNGDM hỗ trợ người học vượt qua các vấn đề phi ngôn ngữ khi rèn luyện kỹ năng nói. Yunita và Ardi (2022) cho biết TNGDM giúp người học cảm thấy tự tin hơn khi tham gia các cuộc trò chuyện bằng tiếng Anh, hợp tác, lắng nghe bạn cùng lớp, phân tích tình huống và đưa ra lời khuyên – qua đó nâng cao khả năng giao tiếp. Hơn nữa, việc sử dụng TNGDM cũng giúp người học nâng cao tốc độ suy nghĩ và diễn đạt ý tưởng so với việc chỉ học theo phương pháp truyền thống (Pachón, 2015).

Thách thức của việc sử dụng TNGDM

Bên cạnh những lợi ích đã nêu, một số nghiên cứu trên thế giới cũng đã chỉ ra những thách thức trong việc tiếp cận và sử dụng TNGDM. Nghiên cứu của Cooney (2017) cho thấy vấn đề đường truyền Wi-Fi khi truy cập TNGDM có thể gây khó khăn cho người học. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm các tài nguyên phù hợp và có chất lượng cũng là một trở ngại lớn trong bối cảnh số lượng tài liệu học tập và kho dữ liệu ngày càng gia tăng (Yuan & cộng sự, 2008). Thiếu sự hướng dẫn và định hướng trực tiếp từ giáo viên cũng được xem là một thách thức đáng kể đối với việc tự học thông qua TNGDM, do đặc điểm đa dạng và phong phú của các tài nguyên này (Lin, 2019). Ngoài ra, sinh viên còn gặp khó khăn trong việc xác định điểm yếu của bản thân do không có sự phản hồi trực tiếp từ giáo viên trong quá trình học. Khả năng tự điều chỉnh (self-regulation skills) của người học cũng là một thách thức lớn đối với việc tự học qua TNGDM. Người học cho rằng họ khó tập trung khi tự học một mình, do dễ bị phân tâm bởi các hoạt động khác hoặc sử dụng đồng thời các trang web, ứng dụng không liên quan trong quá trình học (Lin, 2019).

2.3 Khoảng trống nghiên cứu

Những nghiên cứu trước đây trên thế giới về TNGDM khá đa dạng, tuy nhiên, các nghiên cứu về việc sử dụng TNGDM để luyện kỹ năng nói tiếng Anh – đặc biệt đối với sinh viên chuyên ngữ trong bối cảnh giảng dạy đại học tại Việt Nam – vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào lợi ích mà TNGDM mang lại, trong khi những thách thức trong quá trình sử dụng các tài nguyên này chưa được khai thác sâu, đặc biệt là dưới phản hồi của sinh viên. Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm cung cấp thông tin bổ sung cho các khoảng trống nêu trên, liên quan đến việc sử dụng TNGDM để hỗ trợ sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tự rèn luyện kỹ năng nói. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm đi tìm câu trả lời cho câu hỏi dưới đây:

Sinh viên ngành tiếng Anh phản hồi như thế nào về những lợi ích và thách thức của việc sử dụng các nguồn tài nguyên giáo dục mở để tự luyện tập kỹ năng nói?

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là 150 sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh năm nhất tại một trường đại học ở miền Trung Việt Nam đã tham gia buổi định hướng sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói vào đầu học kỳ học phần Nói 2. Đa số khách thể tham gia là sinh viên nữ, theo học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, và đã có thời gian học tiếng Anh trung bình từ 5 đến 10 năm. Số lượng sinh viên đạt điểm A và B sau khi kết thúc học phần Nói 1 chiếm tỉ lệ cao (97,4%). Phần lớn sinh viên có thể sử dụng các thiết bị và ứng dụng công nghệ ở mức độ cơ bản.

3.2 Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng hai công cụ là phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu định lượng và phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập dữ liệu định tính nhằm trả lời cho câu hỏi nghiên cứu trên.

3.2.1 Phiếu khảo sát

Trong nghiên cứu này, phiếu khảo sát được lựa chọn là một trong hai công cụ nghiên cứu bởi nó cho phép các nhà nghiên cứu tiếp cận với số lượng lớn khách thể nghiên cứu (Oppenheim, 2001). Bảng khảo sát được xây dựng dựa trên thông tin phân tích, thu thập được trong chương cơ sở lý luận, gồm 2 phần chính:

Phần 1: Nội dung khảo sát

Phần đầu tiên của bảng hỏi bao gồm các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, được chia thành hai khía cạnh chính nhằm khám phá nhận thức của sinh viên về lợi ích và thách thức khi sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói. Các mục trong bảng hỏi được thiết kế dựa trên cơ sở lý luận, gồm 13 mục về những lợi ích của việc sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói và 13 mục về những thách thức mà sinh viên gặp phải trong quá trình này. Sinh viên đánh giá mức độ đồng ý của mình với từng nhận định bằng thang đo Likert 5 mức, bao gồm: Rất không đồng ý (1), Không đồng ý (2), Trung lập (3), Đồng ý (4), và Rất đồng ý (5).

Phần 2: Thông tin chung về khách thể nghiên cứu

Phần này gồm 5 câu hỏi, nhằm mục đích thu thập thông tin cơ bản của khách thể nghiên cứu về giới tính, chuyên ngành, số năm học tiếng Anh, điểm học phần Nói 1, và năng lực công nghệ.

3.2.2 Phỏng vấn bán cấu trúc

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc để người tham gia phỏng vấn tự do bày tỏ quan điểm riêng của mình, bằng ngôn từ của mình (Cohen & Crabtree, 2006), từ đó thu được dữ liệu toàn diện và sâu sắc hơn. Câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc trong nghiên cứu này được thiết kế dựa trên cơ sở lý luận và mục đích nghiên cứu, đồng thời kết hợp với phản hồi của sinh viên đối với các câu hỏi từ phiếu khảo sát để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Các câu hỏi phỏng vấn tập trung vào việc giải thích và làm rõ các câu trả lời của người tham gia trong bảng hỏi, cụ thể về hai khía cạnh: lợi ích và thách thức của việc sử dụng TNGDM trong quá trình tự luyện tập kỹ năng nói của sinh viên. Khi cần thiết để hoàn thiện phân tích ở các nhóm nội dung nghiên cứu thuộc hai khía cạnh trên, dữ liệu từ phỏng vấn bán cấu trúc sẽ được trích dẫn nhằm bổ sung và làm rõ kết quả từ bảng hỏi.

3.3 Quá trình thu thập và phân tích số liệu

Khảo sát được tiến hành vào cuối học kỳ II năm học 2023-2024 khi sinh viên năm nhất hoàn thành các nội dung học trong học phần Nói 2. Phiếu khảo sát giấy được phát trực tiếp cho sinh viên và thu lại ngay sau khi sinh viên hoàn thành. Sau khi thu được phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu sơ loại phiếu khảo sát để gửi lời mời đến những khách thể lựa chọn thường xuyên sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói nhằm thu được những ý kiến toàn diện cho đề tài. Trong số các khách thể lựa chọn thường xuyên được mời thì có 10 khách thể tự nguyện tham gia phỏng vấn. Để thuận tiện cho khách thể nghiên cứu, các buổi phỏng vấn được thực hiện trên nền tảng Zoom và được ghi âm, ghi hình lại dưới sự đồng thuận của khách thể nghiên cứu. Nhằm đảm

bảo tính riêng tư cho khách thể nghiên cứu, các khách thể được mã hóa từ 1 đến 10 trong suốt quá trình thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu.

Dữ liệu định lượng được tổng hợp và phân tích trên phần mềm SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) dưới dạng giá trị trung bình. Trong khi đó, dữ liệu định tính được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis). Dữ liệu được nhóm thành những chủ đề nhỏ (subthemes) và sau đó kết hợp các chủ đề nhỏ thành các ý chính (themes) bao quát (Cropley, 2019).

3.4 Độ tin cậy của phiếu khảo sát

Bảng 1

Độ tin cậy của phiếu khảo sát

Khía cạnh	Cronbach's Alpha	Số lượng câu hỏi khảo sát
Lợi ích	0,948	13
Thách thức	0,922	13

Qua phân tích thống kê trên phần mềm SPSS, độ tin cậy của các câu hỏi khảo sát đối với hai khía cạnh lợi ích và bất lợi lần lượt đạt hệ số Cronbach's Alpha là .948 và .922 (Bảng 1). Theo Nunnally (1978), hệ số Cronbach's alpha trên .70 được xem là cao, và độ tin cậy của thang đo tăng tỉ lệ thuận với sự gia tăng của hệ số này. Do đó, kết quả này cho thấy phiếu khảo sát có độ tin cậy cao.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1 Phản hồi của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh đối với lợi ích của việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở để tự luyện tập kỹ năng nói

Phần này trình bày kết quả nghiên cứu về phản hồi của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh đối với lợi ích của việc tự luyện tập kỹ năng nói thông qua TNGDM ở ba khía cạnh chính: nguồn học liệu hỗ trợ quá trình tự luyện tập, sự phát triển các khía cạnh của kỹ năng nói, và khả năng khắc phục các vấn đề liên quan đến kỹ năng nói của TNGDM.

Về nguồn học liệu phục vụ cho việc tự luyện tập kỹ năng nói

Bảng 2

Lợi ích về các nguồn học liệu cho việc tự luyện tập kỹ năng nói trên TNGDM

	Số lượng	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Câu 1: Tôi có thể tiếp cận với ngôn ngữ thực tế thông qua các nguồn TNGDM.	150	4,02	0,670
Câu 2: Các nguồn TNGDM cung cấp cho tôi những bài giảng dễ hiểu và có tính hệ thống.	150	4,00	0,769
Câu 3: Các nguồn TNGDM cung cấp cho tôi những bài giảng giúp tôi mở rộng kiến thức ngôn ngữ cần thiết cho kỹ năng nói (ví dụ như kiến thức từ vựng, ngữ pháp, phát âm).	150	4,17	0,653
Valid N (listwise)	150		

Trong Bảng 2, đa số sinh viên có trải nghiệm tích cực và đồng tình với những lợi ích mà các nguồn học liệu mang lại. Phần lớn các sinh viên cho rằng thông qua TNGDM, họ được trang bị những bài giảng giúp mở rộng kiến thức ngôn ngữ cần thiết cho kỹ năng nói ($M = 4,17$). Nghiên cứu này khác những nghiên cứu trước đây ở chỗ các nghiên cứu trước đây chỉ đề cập đến lợi ích chung của TNGDM như một nguồn tài liệu học tập đa dạng. Trong khi đó, nghiên cứu này đã làm rõ lợi ích cụ thể trong việc mở rộng từ vựng, ngữ pháp, phát âm - những yếu tố quan trọng trong kỹ năng nói tiếng Anh. Bên cạnh đó, nhờ tự luyện nói với các tài liệu miễn phí trên các nguồn TNGDM, sinh viên có cơ hội tiếp cận với ngôn ngữ thực tế ($M = 4,02$). Đặc điểm này của các bài giảng được sinh viên đề cập như sau:

Em có xem các video về các cuộc hội thoại hàng ngày, ví dụ như trong siêu thị, để biết họ sẽ giao tiếp và dùng từ vựng như thế nào. Trong các môi trường khác nhau thì họ sẽ sử dụng từ vựng như thế nào để mình học theo và có thể giao tiếp được trong mỗi môi trường khác nhau. (SV10)

Ngoài ra, sinh viên cũng thể hiện sự đồng tình với lợi ích mà các bài giảng mang lại thông qua việc miêu tả các bài giảng là dễ hiểu và có tính hệ thống ($M = 4,00$). Dữ liệu phỏng vấn cho kết quả tương tự khi SV8 cho biết:

Các bài giảng ở trên tài nguyên giáo dục mở có tính hệ thống thể hiện ở chỗ chúng được liệt kê theo từng cấp độ, từ cấp độ thấp nhất cho đến cấp độ cao nhất là C1 hoặc C2. (SV8)

Điều này đồng nhất với nghiên cứu của Cooney (2017) khi ông cũng nhấn mạnh tính thân thiện và các bài giảng được sắp xếp có hệ thống của TNGDM.

Về việc phát triển các khía cạnh của kỹ năng nói

Bảng 3

Lợi ích về việc phát triển các khía cạnh của kỹ năng nói khi tự luyện tập trên TNGDM

	Số lượng	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Câu 4: Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện phát âm của mình.	150	4,05	0,731
Câu 5: Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện sự lưu loát của mình.	150	4,03	0,746
Câu 6: Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện khả năng diễn đạt ý tưởng mạch lạc khi nói tiếng Anh.	150	4,01	0,746
Câu 7: Việc luyện tập nói trên các nguồn TNGDM giúp tôi sử dụng đa dạng ngữ pháp khi nói tiếng Anh.	150	3,96	0,793
Câu 8: Việc luyện tập nói trên các nguồn TNGDM giúp tôi sử dụng chính xác ngữ pháp khi nói tiếng Anh.	150	3,95	0,780
Câu 9: Thông qua việc luyện tập trên các nguồn TNGDM, cách sử dụng từ vựng của tôi đã đa dạng hơn khi nói (có các cụm biểu đạt (idiomatic expressions), diễn giải (paraphrase) và các kết hợp từ (collocation), v.v...).	150	3,97	0,737
Câu 10: Thông qua việc luyện tập trên các nguồn TNGDM, tôi đã cải thiện việc lựa chọn từ vựng của mình được chính xác, phù hợp hơn để diễn đạt ý tưởng cần nói.	150	4,03	0,755
Valid N (listwise)	150		

Từ số liệu trong Bảng 3, có thể thấy việc sử dụng TNGDM để tự luyện kỹ năng nói mang lại tác động tích cực đến nhiều khía cạnh của kỹ năng này, khi tất cả các phát biểu đều có giá trị trung bình rất cao ($M \geq 3,95$). Cụ thể, sinh viên nhận thấy phát âm của họ đã được cải thiện ($M = 4,05$). Đồng thời, sự lưu loát và khả năng diễn đạt ý tưởng mạch lạc cũng được nâng cao, với giá trị trung bình lần lượt là 4,03 và 4,01. Việc sử dụng từ vựng chính xác và phù hợp để diễn đạt ý tưởng được đánh giá cao ($M = 4,03$); tuy nhiên, mức độ đa dạng trong việc sử dụng từ vựng lại có giá trị trung bình thấp hơn ($M = 3,97$). Bên cạnh đó, các phát biểu liên quan đến việc sử dụng ngữ pháp một cách chính xác và đa dạng khi nói nhận được giá trị trung bình lần lượt là 3,95 và 3,96 – có phần thấp hơn so với các khía cạnh khác. Độ lệch chuẩn ở hai phát biểu này cũng cao hơn ($SD = 0,780$ và $0,793$). Nhìn chung, các số liệu cho thấy việc sử dụng TNGDM đã có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kỹ năng nói của sinh viên. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Yunita và Ardi (2022) và Pachón (2005), khi các tác giả nhận thấy TNGDM giúp người học cải thiện từ vựng, độ lưu loát, độ chính xác và sự mạch lạc trong diễn đạt. Tuy nhiên, điểm khác biệt của nghiên cứu này nằm ở chỗ các lợi ích của TNGDM trong việc tự luyện kỹ năng nói được đánh giá trực tiếp từ phản hồi của sinh viên. Việc ghi nhận phản hồi của người học đóng vai trò quan trọng trong việc ra quyết định hoặc triển khai giới thiệu TNGDM trong tương lai, bởi cốt lõi của một hoạt động học không chỉ nằm ở tính thực tiễn, sự thú vị hay độ thách thức, mà còn ở việc người học có thực sự nhận biết và cảm nhận được những yếu tố đó hay không (Martens & cộng sự, 2007).

Về việc khắc phục các vấn đề khi học kỹ năng nói

Bảng 4

Lợi ích về khắc phục các vấn đề khi luyện tập kỹ năng nói

	Số lượng	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Câu 11: Việc luyện tập nói trên các nguồn TNGDM giúp tôi có thể thuận tiện tự học theo tốc độ tiếp thu của bản thân.	150	4,07	0,734
Câu 12: Việc luyện tập nói trên các nguồn TNGDM giúp tôi cảm thấy thoải mái hơn so với việc luyện tập với người khác.	150	4,00	0,835
Câu 13: Sau khi luyện tập nói trên các nguồn TNGDM, tôi cảm thấy tự tin hơn khi nói tiếng Anh.	150	3,97	0,777
Valid N (listwise)	150		

Số liệu từ Bảng 4 cho thấy phần lớn sinh viên đồng ý với các ý kiến cho rằng việc sử dụng TNGDM giúp khắc phục các vấn đề khi luyện tập kỹ năng nói. Phát biểu số 11 có giá trị trung bình rất cao ($M=4,07$) cho thấy sinh viên đánh giá cao lợi ích tự học theo tốc độ tiếp thu của bản thân mà TNGDM mang lại. Như vậy, những vấn đề khi học kỹ năng nói được Ur (1996) nhắc đến như sự tham gia ít hoặc không đồng đều có thể được giải quyết. Ý kiến này cũng cho thấy TNGDM khắc phục hiệu quả những khó khăn về thiếu tài liệu và cơ hội luyện tập được Ork và cộng sự (2024) đề cập.

Phát biểu số 12 cũng có giá trị trung bình cao ($M=4,00$) cho thấy hầu hết sinh viên cảm thấy thoải mái hơn khi luyện tập nói trên các nguồn TNGDM so với khi luyện tập nói với người khác. Độ lệch chuẩn ở phát biểu này ở mức 0,835, cao hơn các phát biểu còn lại trong nhóm này

cho thấy có một số khác biệt nhỏ trong ý kiến của sinh viên, nhưng nhìn chung, sinh viên nhìn nhận tích cực về lợi ích này. SV3 đã giải thích thêm về vấn đề này rằng “luyện tập nói trên các nguồn TNGDM có không gian riêng tư, mình nói mà không bị ai phán xét. Lên lớp gặp các bạn thì em thấy hơi sợ hãi”. Ngoài ra, SV5 cũng cho rằng:

Khi luyện nói trên các nguồn TNGDM thì em sẽ không bị áp lực. Em hay bị nhút nhát khi em gặp người khác em sẽ không nói được như bình thường, còn trên các nguồn này thì mình cứ vô tư, cứ tập thôi. (SV5)

Từ kết quả này có thể thấy rằng việc tự luyện nói thông qua các nguồn TNGDM có khả năng góp phần giải quyết những vấn đề tâm lý thường gặp khi học kỹ năng nói, vốn đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu trước đây, chẳng hạn như: sự thiếu tự tin, lo lắng, sợ mắc sai lầm (Arifin, 2017), cảm giác ngại ngùng, sợ mất thể diện (Harmer, 2001), và nỗi sợ bị đánh giá bởi người khác (Tanveer, 2007).

Phát biểu số 13 cho thấy đa số sinh viên cảm thấy tự tin khi nói tiếng Anh hơn sau khi luyện tập trên các nguồn TNGDM. SV2 cũng bày tỏ sự đồng tình rằng “TNGDM giúp ích rất nhiều bởi vì em cảm thấy tự tin hơn vì kỹ năng ngôn ngữ của em đã cải thiện, nghe giống người bản xứ hơn”.

Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Yunita và Ardi (2022), khi các nhà nghiên cứu cho rằng việc sử dụng TNGDM có tác động tích cực đến sự tự tin của người học trong việc tham gia các cuộc trò chuyện bằng tiếng Anh. Việc sinh viên cải thiện các khía cạnh của kỹ năng nói cũng giúp họ tự tin hơn khi nói tiếng Anh. Điều này tương đồng với phát hiện của Lai và cộng sự (2015), khi các nhà nghiên cứu cho rằng sự tự tin khi học tiếng Anh của người học tăng lên tỉ lệ thuận với việc nhu cầu học tập của họ được đáp ứng. Theo Tanveer (2007), cảm giác thiếu tự tin hoặc hạn chế về kiến thức ngôn ngữ là một trong những nguyên nhân gây ra lo lắng ở người học. Vì vậy, khi sinh viên cảm nhận rằng năng lực ngôn ngữ của mình đã được cải thiện, sự tự tin của họ có xu hướng tăng lên và mức độ lo lắng cũng giảm đi.

Bên cạnh các vấn đề phi ngôn ngữ được giải quyết trong Bảng 4, TNGDM cũng được các khách thể nghiên cứu cho rằng đã giúp họ khắc phục được các vấn đề ngôn ngữ như vấn đề về phát âm, từ vựng. Các sinh viên chia sẻ:

Bình thường em hay nói ngang ngang, nói một mạch, thường không ngắt nghỉ, nhưng khi học trên các nguồn TNGDM thì em đã để ý hơn được cách người ta lên xuống trong câu nói, trọng âm câu. (SV7)

Về mặt từ vựng thì trước đây chưa tiếp xúc nhiều với TNGDM em sử dụng từ vựng lặp lại nhiều, hoặc hay có thói quen dịch ngữ pháp từ tiếng Việt sang tiếng Anh, nhưng sau khi tiếp xúc với các nguồn học này thì em có thể sử dụng đa dạng từ vựng hơn, ngữ pháp xác hơn. (SV10)

Nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc sử dụng tiếng Anh do ảnh hưởng của hiện tượng chuyển ngữ tiêu cực. TNGDM, với tính tương tác cao và sự đa dạng về tài nguyên cũng như nguồn học liệu ngôn ngữ thực tế, có thể hỗ trợ sinh viên nhận diện và học tập các yếu tố ngôn ngữ mà họ thường gặp khó khăn. Đồng thời, TNGDM cung cấp môi trường học tập và các bài tập thực hành phong phú, giúp người học dần khắc phục những hạn chế này và nâng cao kỹ năng nói.

Ngoài ra, các đối tượng nghiên cứu cũng cho rằng các nguồn TNGDM đã giúp họ khắc phục tình trạng “không biết nói gì” (Ur, 1996, tr.121), nhờ vào việc cung cấp kiến thức nền và hỗ trợ khả năng giao tiếp liên văn hóa.

Các nguồn TNGDM cho mình hiểu rõ về cuộc sống thực tế hơn. Mình biết cách để diễn đạt, giao tiếp, cân nhắc đến sự khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và các nước phương Tây. Sau đó thì mình sẽ biết cách diễn đạt sao cho phù hợp. (SV9)

Bên cạnh những khó khăn trong quá trình học kỹ năng nói đã được khắc phục như đã nêu trên, sự khác biệt văn hóa cũng có thể tạo ra rào cản đối với người học tiếng Anh. Những yếu tố văn hóa như chủ nghĩa cá nhân và tập thể, thái độ đối với rủi ro, và sự phân biệt giới tính (Ting-Toomey, 1999) đều có thể ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp. Các nguồn TNGDM đã đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người học mở rộng kiến thức và nâng cao nhận thức về giao tiếp liên văn hóa, qua đó làm nổi bật tính đa dạng và giá trị thực tiễn của TNGDM trong bối cảnh học ngôn ngữ.

Như vậy có thể nói, việc sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói có thể giải quyết được nhiều vấn đề, cả về ngôn ngữ và phi ngôn ngữ mà người học có thể gặp phải khi học kỹ năng nói.

4.2 Phản hồi của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh đối với thách thức của việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở để tự luyện tập kỹ năng nói

Trong phần này, kết quả nghiên cứu chỉ ra phản hồi của sinh viên năm nhất Khoa tiếng Anh về những thách thức của việc sử dụng các nguồn TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói ở bốn khía cạnh là tự học với TNGDM, luyện tập kỹ năng nói, kiến thức và kỹ thuật.

Về việc tự học với TNGDM

Bảng 5

Thách thức khi tự học với TNGDM của sinh viên

	Số lượng	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Câu 1: Tôi dễ bị phân tâm bởi các việc làm khác khi tự luyện tập kỹ năng nói trên các nguồn TNGDM (ví dụ, truy cập các trang web khác khi đang học trên trang web mở).	150	3,85	0,792
Câu 2: Việc tự luyện tập kỹ năng nói thông qua các nguồn TNGDM mà không có sự hướng dẫn của giáo viên khiến tôi bị lúng túng.	150	3,41	0,898
Câu 3: Tôi cảm thấy khó khăn trong việc xác định trình độ và khả năng nói tiếng Anh của bản thân khi tự luyện tập với các nguồn TNGDM.	150	3,51	0,932
Câu 4: Tôi thấy bản thân mình chưa kiên trì trong việc sử dụng các nguồn TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói.	150	3,79	0,877
Câu 5: Tôi chưa biết nhiều nguồn TNGDM để hỗ trợ cho việc tự luyện tập kỹ năng nói.	150	3,68	0,814
Valid N (listwise)	150		

Từ Bảng 5 có thể thấy khả năng tự điều chỉnh bản thân là một trong những thách thức đối với sinh viên khi tự học với nguồn TNGDM. Cụ thể, đa số sinh viên đồng ý rằng họ dễ bị phân tâm bởi những việc khác trong khi luyện nói ($M = 3,85$). SV có chia sẻ:

Khi em có một từ vựng muốn tra hoặc em muốn tìm một cấu trúc, thường mục đích ban đầu của em là vào Google để tra hay lên Youtube để coi. Em thấy em bị xao nhãng bởi các ứng dụng khác như Tiktok hay Facebook hoặc bị sao nhãng bởi những video trên Youtube có nội dung khác. (SV10)

Điều này tương tự như kết quả nghiên cứu của Lin (2019) khi chỉ ra rằng người học không thể tập trung học một mình vì bị xao nhãng bởi các trang web hoặc ứng dụng khác.

Hầu hết sinh viên cũng cảm thấy bản thân chưa đủ kiên trì ($M = 3,79$) trong việc sử dụng TNGDM để tự luyện kỹ năng nói. Do việc sử dụng TNGDM trong nghiên cứu này mang tính tự nguyện, không bắt buộc từ phía giảng viên, nên thiếu sự kiên trì trở thành một rào cản đáng kể. Bên cạnh đó, sinh viên cho biết họ chưa biết nhiều nguồn TNGDM để tự luyện kỹ năng nói ($M = 3,68$) ngoài các trang web được giới thiệu trong nghiên cứu. Khi được hỏi về các nguồn khác, sinh viên đề cập đến các công cụ như ChatGPT, Gemini, hay hệ thống LMS của trường dù đây không phải là các nguồn TNGDM. Mặc dù phần lớn sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc xác định trình độ tiếng Anh của bản thân ($M = 3,51$), nhưng mức độ nhất quán trong các phản hồi còn thấp, với độ lệch chuẩn là 0,932. Việc tự đánh giá kỹ năng nói được xem là một thách thức do đòi hỏi người học phải xem xét đồng thời nhiều yếu tố như độ lưu loát, mạch lạc, ngữ pháp, vốn từ vựng và phát âm – tương tự các tiêu chí trong các bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ như IELTS hoặc VSTEP (bậc 3–5). Do thiếu kinh nghiệm và công cụ hỗ trợ, việc tự đánh giá theo các tiêu chí phức tạp này trở nên khó khăn đối với sinh viên. Ngoài ra, sinh viên cũng thể hiện sự đồng ý với nhận định rằng thiếu sự hướng dẫn của giáo viên khi sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói ($M = 3,41$) khiến họ lúng túng tuy mức độ đồng ý tương đối thấp. Như chia sẻ của SV2:

Đầu tiên, em nghĩ khó khăn là không có người hướng dẫn mà em phải tự tìm tòi những cách, những TNGDM nào phù hợp với bản thân em. Sau đó, em mới bắt đầu học rồi tìm hiểu sâu và sử dụng nó như một công cụ để mình học tập. (SV2)

Nghiên cứu của Lin (2019) cũng cho thấy sinh viên cần nhiều chỉ dẫn hơn từ giảng viên do cảm thấy choáng ngợp trước sự phong phú của TNGDM.

Về việc luyện tập với TNGDM

Bảng 6

Thách thức trong việc luyện tập kỹ năng nói với TNGDM của sinh viên

	Số lượng	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Câu 6: Các nguồn TNGDM thiếu sự tương tác đa chiều nên khiến tôi gặp khó khăn trong việc luyện tập hình thức đối thoại.	150	3,45	0,879
Câu 7: Các nguồn TNGDM thường thiếu sự tương tác trực tiếp với người khác khiến tôi gặp khó khăn khi giao tiếp thực tế.	150	3,51	0,801
Câu 8: Các nguồn TNGDM thường thiếu những phản hồi chi tiết để giúp tôi nhận ra các lỗi hoặc các vấn đề của mình trong kỹ năng nói.	150	3,67	0,825
Valid N (listwise)	150		

Về việc luyện tập kỹ năng nói với TNGDM, phần lớn sinh viên đồng ý rằng các nguồn TNGDM thường thiếu những phản hồi chi tiết để giúp họ nhận ra các vấn đề trong kỹ năng nói của mình ($M = 3,67$). SV2 lý giải rằng:

Mỗi lần em bắt đầu luyện tập thì em cứ nghĩ mình làm đúng. Em không có những lời nhận xét của người khác, vì vậy em cứ học một cách vô thức như thế và em không biết điểm yếu của em ở đâu để em cải thiện. (SV2)

Trong quá trình học, các phản hồi thích hợp rất cần thiết trong việc duy trì động lực, củng cố niềm tin vào năng lực bản thân và giúp người học phát triển năng lực tự học của mình (Giacosa, 2021).

Bên cạnh đó, đa số sinh viên cũng cho rằng TNGDM thường thiếu sự tương tác trực tiếp ($M = 3,51$) hay tương tác đa chiều ($M = 3,45$), dẫn đến khó khăn khi giao tiếp thực tế hay khi luyện tập hình thức đối thoại. Về vấn đề này, SV9 chia sẻ rằng thiếu sự tương tác trực tiếp khi học với TNGDM sẽ khiến bản thân không biết cách để xử lý và trả lời các câu hỏi khác nhau từ những người khác nhau vì mỗi người có tính cách và cách phản hồi riêng biệt. Có thể thấy rằng giao tiếp thực tế thường mang tính tương tác cao và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như đối tượng giao tiếp, không gian, thời gian và bối cảnh. Các kỹ năng như luân phiên lượt lời, đặt câu hỏi, sử dụng từ đệm và duy trì cuộc trò chuyện chỉ có thể được rèn luyện hiệu quả nhất thông qua tương tác trực tiếp giữa người với người. Yunita và Ardi (2022) cũng cho rằng việc học nói tiếng Anh đòi hỏi phải có sự đối thoại và luyện tập trò chuyện trực tiếp với người khác – điều mà đến thời điểm hiện tại, các nguồn TNGDM vẫn chưa thể thay thế hoàn toàn.

Về mặt kiến thức

Bảng 7

Thách thức về kiến thức khi sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói của sinh viên

	Số lượng	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Câu 9: Kiến thức ngôn ngữ ở các nguồn TNGDM quá đa dạng khiến tôi lúng túng trong việc lựa chọn nội dung phù hợp với trình độ của bản thân.	150	3,77	0,839
Câu 10: Các kiến thức và nội dung ở các nguồn TNGDM có thể chưa được đảm bảo chất lượng và độ tin cậy.	150	3,40	0,948
Câu 11: Các nội dung trên các nguồn TNGDM không tương thích với nội dung của học phần nói ở trên lớp nên khiến tôi gặp khó khăn trong quá trình sử dụng.	150	3,31	0,970
Valid N (listwise)	150		

Về kiến thức trên các nguồn TNGDM, phần lớn sinh viên đồng ý với ý kiến rằng vì kiến thức ngôn ngữ quá đa dạng nên họ cảm thấy lúng túng khi lựa chọn nội dung phù hợp với trình độ bản thân ($M = 3,77$). Điều này một phần đến từ sự thiếu định hướng của giáo viên trong việc lựa chọn nội dung cũng như xác định trình độ. Nếu thiếu sự định hướng từ giáo viên và kỹ năng tự chọn lọc tài liệu, sinh viên dễ bị lạc hướng, chọn sai nội dung phù hợp, và kết quả là ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình và trải nghiệm học tập của họ. Một số nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra sự hỗ trợ của giáo viên rất có ích cho quá trình tự học của người học (Ohashi, 2018). Tuy nhiên, 12

phần đông sinh viên thể hiện sự trung lập với nhận định rằng các nội dung trên các nguồn TNGDM chưa được đảm bảo chất lượng và độ tin cậy ($M = 3,40$). Bên cạnh đó, họ cũng trung lập với ý kiến về sự không tương thích giữa nội dung trên các nguồn TNGDM và nội dung của học phần nói trên lớp ($M = 3,31$).

Về mặt kỹ thuật

Bảng 8

Thách thức về kỹ thuật khi sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói của sinh viên

	Số lượng	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Câu 12: Tôi gặp khó khăn về thiết bị và đường truyền Internet khi sử dụng các nguồn TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói.	150	3,37	1,032
Câu 13: Khi gặp các vấn đề về kỹ thuật trong quá trình sử dụng các nguồn TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói tôi không biết phải hỏi ai.	150	3,41	0,898
Valid N (listwise)	150		

Đối với vấn đề kỹ thuật, phần nhiều sinh viên cho rằng họ không biết phải hỏi ai khi gặp trục trặc trong quá trình sử dụng TNGDM để tự luyện tập ($M = 3,41$). TNGDM được sinh viên sử dụng như một nguồn hỗ trợ trong quá trình tự học, sinh viên chủ yếu tự tìm tòi, nghiên cứu để tự luyện tập trên các nguồn TNGDM. Đồng thời, TNGDM còn khá mới mẻ trong các trường đại học ở Việt Nam (Đỗ Văn Hùng & cộng sự, 2019) nên chưa có đội ngũ tư vấn kỹ thuật có chuyên môn để sinh viên dễ dàng liên hệ. Vì vậy, sinh viên gặp lúng túng khi không được giải đáp cụ thể về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật. Ngoài ra, đa số sinh viên bày tỏ sự trung lập đối với những khó khăn về thiết bị, đường truyền Internet ($M = 3,37$) khi sử dụng TNGDM. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn cao ở phát biểu này ($SD = 1,032$) cho thấy sự phân hóa trong các câu trả lời của sinh viên.

5. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu phản hồi của sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh về lợi ích và thách thức của việc sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói. Về mặt lợi ích, những bài giảng dễ hiểu và có tính hệ thống trên TNGDM giúp sinh viên mở rộng kiến thức ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, phát âm và tạo cơ hội tiếp cận với ngôn ngữ thực tế. Các khía cạnh của kỹ năng nói như phát âm, sự lưu loát, khả năng diễn đạt ý tưởng mạch lạc, từ vựng và ngữ pháp cũng được phát triển thông qua sự luyện tập với TNGDM. Ngoài ra, TNGDM còn giúp sinh viên khắc phục các vấn đề ngôn ngữ (phát âm, từ vựng, chuyển ngữ, thiếu ý tưởng khi nói và sự khác biệt về văn hóa) và phi ngôn ngữ (khả năng tiếp thu, sự thoải mái và tự tin) khi nói tiếng Anh. Bên cạnh những lợi ích nêu trên, nghiên cứu cũng chỉ ra các thách thức mà sinh viên gặp phải khi tự luyện kỹ năng nói với TNGDM. Trong quá trình tự học, sinh viên có thể đối mặt với những khó khăn như thiếu khả năng tự điều chỉnh, chưa hiểu rõ về các nguồn TNGDM, không xác định được trình độ tiếng Anh của bản thân, thiếu sự hướng dẫn từ giảng viên và không biết hỏi ai khi gặp vấn đề kỹ thuật. Việc TNGDM thiếu phản hồi chi tiết, thiếu tương tác trực tiếp và đa chiều, cùng với sự đa dạng và đôi khi quá tải về tài liệu, cũng khiến sinh viên cảm thấy lúng túng khi tự luyện kỹ năng nói.

Từ kết quả trên, việc nâng cao tính hiệu quả của việc tự luyện tập kỹ năng nói thông qua TNGDM cần sự hợp tác chặt chẽ của cả sinh viên, giảng viên và các nhà phát triển TNGDM. Cụ thể, sinh viên cần chủ động cập nhật các nguồn TNGDM hữu ích thông qua các nền tảng giáo dục, tổ chức uy tín, bạn bè và thầy cô giáo. Việc dùng thử và đánh giá mức độ hiệu quả của từng nguồn sẽ giúp sinh viên lựa chọn tài liệu phù hợp. Bên cạnh đó, sinh viên nên xây dựng kế hoạch tự học với lộ trình và mục tiêu rõ ràng, đồng thời tự đánh giá trình độ qua các bài kiểm tra trực tuyến như Cambridge, IELTS hay TOEFL để xác định nội dung học tập phù hợp. Về phía giảng viên, thầy cô có thể giới thiệu các nguồn TNGDM chất lượng và hướng dẫn sinh viên cách khai thác hiệu quả để nâng cao kỹ năng nói. Đồng thời, giảng viên cần đánh giá trình độ, nhu cầu và động lực học tập của từng nhóm sinh viên để đề xuất tài liệu phù hợp, giúp sinh viên học tập có định hướng hơn. Đồng thời, các nhà phát triển TNGDM cần cải thiện các tính năng của TNGDM như tích hợp bài kiểm tra đầu vào để xác định trình độ, cung cấp nội dung học tập cá nhân hóa, phát triển tính năng phản hồi chi tiết với gợi ý chỉnh sửa lỗi sai, hỗ trợ luyện nói với người thật, xây dựng cộng đồng học tập trực tuyến và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật liên tục.

Tài liệu tham khảo

- Afebri, H., & Muhsin, K. (2019). Factors affecting students' difficulties in speaking performance of the tenth grade students of SMA Negeri 1 Tiworo Kepulauan. *Journal of English Education and Teaching*, 3(1), 95-105. <https://doi.org/10.33369/jeet.3.1.95-105>
- Arifin, W.L. (2017). Psychological problems and challenges in EFL speaking classroom. *Register Journal*, 10(1), 29-47. <http://dx.doi.org/10.18326/rgt.v10i1.29-47>
- Baker, J., & Westrup, H. (2003). *Essential speaking skills: A handbook for English language teachers*. Continuum. <https://doi.org/10.5040/9781350933958>
- Cohen, D., & Crabtree, B. (2006, July). *Qualitative research guidelines project*. Robert Wood Johnson Foundation. <http://www.qualres.org/HomeEval-3664.html>
- Cooney, C. (2017). What impacts do OER have on students? Students share their experiences with a health psychology OER at New York City College of Technology. *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 18(4), 155-178. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v18i4.3111>
- Cropley, A. (2019). *Qualitative research methods: A practice-oriented introduction*. Editura Intaglio.
- Đỗ Văn Hùng, Nghiêm Xuân Huy, Trần Đức Hòa, Phạm Tiến Toàn, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Kim Lâm & Bùi Thanh Thủy (2019). *Báo cáo khảo sát tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học Việt Nam*. Đại học Quốc gia Hà Nội. <http://ir.vnulib.edu.vn/handle/VNUHCM/5542>
- Filgona, J., Sakiyo, J., Gwany, D.M., & Okoronka, A.U. (2020). Motivation in learning. *Asian Journal of Education and Social Studies*, 10(4), 16-37. <https://doi.org/10.9734/ajess/2020/v10i430273>
- Florez, M. A. (1999). Improving adult English language learners' speaking skills. *ERIC Digest. ERIC Document Reproduction*, 4(3), 20-32. <https://eric.ed.gov/?id=ED435204>
- Giacosa, A., Salusso, D., & Zacccone, M. (2021). Using OERs in emergency distance language learning: A case study. *MOOCs, Language learning and mobility, design, integration, reuse*. <https://hal.science/M2M/hal-03216427>
- Harmer, J. (2001). *The practice of English language teaching* (4th ed.). Longman.
- Huynh, T. A. T. (2020). Problems of learning speaking skills encountered by English major students at Ba Ria - Vung Tau University, Vietnam. *European Journal of English Language Teaching*, 5(4). <http://dx.doi.org/10.46827/ejel.v5i4.3144>
- Lê Trung Nghĩa (2016). *Tổng quan về tài nguyên giáo dục mở và dự đoán một kịch bản tương lai của giáo dục Việt Nam*. ĐHQGHN. [https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/11589/1/OER-Book\(3\).pdf](https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/11589/1/OER-Book(3).pdf)

- Lin, H. (2019). Teaching and learning without a textbook: Undergraduate student perceptions of Open Educational Resources. *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 20(3). <https://doi.org/10.19173/irrodl.v20i4.4224>
- Luu, T. M. V., Do, T. N., & Ngo, N. T. D. (2024). English speaking barriers for pre-intermediate level learners in Vietnamese contexts. *TNU Journal of Science and Technology*, 229(12), 468-476. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11212>
- Martens, R., Bastiaens, T., & Kirschner, P.A. (2007). New learning design in distance education: The impact on student perception and motivation. *Distance education*, 28(1), 81-93. <https://doi.org/10.1080/01587910701305327>
- Miao, F., Mishra, S., Orr, D., & Janssen, B. (2019). *Guidelines on the development of open educational resources policies*. UNESCO Publishing.
- Nunan, D. (1999). *Second language teaching & learning*. Heinle & Heinle Publishers.
- Nunnally, J. C. (1978). *Psychometric theory* (2nd ed.). McGraw-Hill.
- Ohashi, L. (2018). Self-directed learning and the teacher's role: Insights from two different teaching contexts. *Futureproof CALL: Language learning as exploration and encounters—short papers from EUROCALL*, 236-242. <https://doi.org/10.14705/rpnet.2018.26.843>
- Oppenheim, A. N. (2000). *Questionnaire design, interviewing and attitude measurement*. Bloomsbury Publishing.
- Pachón, A. M. M. (2015). Integrating open educational resources in general English courses to strengthen speaking skill. *Praxis Pedagógica*, 15(17), 83-94. <https://doi.org/10.26620/uniminuto.praxis.15.17.2015.83-94>
- Saunders, W. M., & O'Brien, G. (2006). Oral Language. In F. Genesee, K. Lindholm-Leary, W.M. & D. Christian (Eds.), *Educating English language learners: A synthesis of research evidence* (pp. 14–63). Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511499913.003>
- Sayuri. (2016). English speaking problems of EFL learners of Mulawarman University. *Indonesian Journal of EFL and Linguistics*, 1(1), 47-61. <https://doi.org/10.21462/ijefll.v1i1.4>
- Tanveer, M. (2007). *Investigation of the factors that cause language anxiety for ESL/EFL learners in learning speaking skills and the influence it casts on communication in the target language*. Master's Dissertation. University of Glasgow. <http://doi.org/10.13140/RG.2.1.1995.1129>
- Ting-Toomey, S. (1999). *Communicating across cultures*. The Guilford Press.
- Torky, S. A. E. (2006). *The effectiveness of a task-based instruction program in developing the English language speaking skills of secondary stage students*. Ph.D. Dissertation. Ain Shams University. <https://eric.ed.gov/?id=ED523922>
- Tran, T. T. D., & Khau, H. K. T. (2024). Difficulties in speaking English encountered by Vietnamese second-degree English-majored students: A case of those at Thu Dau Mot University. *VNU Journal of Foreign Studies*, 40(3), 48. <https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5212>
- Ur, P. (1996). *A course in language teaching: Practice and theory*. Cambridge University Press.
- Wahyuningsih, S., & Afandi, M. (2020). Investigating English speaking problems: Implications for speaking curriculum development in Indonesia. *European Journal of Educational Research*, 9(3), 967-977. <https://doi.org/10.12973/eu-jer.9.3.967>
- Weller, M., De los Arcos, B., Farrow, R., Pitt, B., & McAndrew, P. (2015). The impact of OER on teaching and learning practice. *Open Praxis*, 7(4), 351-361. <http://dx.doi.org/10.5944/openpraxis.7.4.227>
- Yee, K. M., & Abidin, M. J. Z. (2014). The use of public speaking in motivating ESL learners to overcome speech anxiety. *International journal on studies in English language and literature (IJSELL)*, 2(11), 127-135. <https://www.arcjournals.org/pdfs/ijSELL/v2-i11/16.pdf>
- Yuan, L., MacNeill, S., & Kraan, W.G. (2008). Open educational resources - Opportunities and challenges for higher education. *Educational Cybernetics: Reports*.

Yunita, W., & Ardi, H. (2022). Implementing open educational resources to strengthen English speaking skills. *Jurnal Paedagogy*, 9(3), 441-448. <https://doi.org/10.33394/jp.v9i3.5342>

USING OPEN EDUCATIONAL RESOURCES FOR SELF-DIRECTED ENGLISH SPEAKING PRACTICE

Abstract: This study investigates the feedback of English-major students regarding the use of open educational resources (OER) for self-directed English speaking practice. The research involved 150 English-major students in Central Vietnam and used questionnaires and semi-structured interview as data collection tools. The results show that using OER helps students improve various aspects of their speaking skills, such as pronunciation, grammar, and vocabulary, and overcome both linguistic and non-linguistic challenges in learning speaking skills. The study also identifies several challenges students face when using OER to practice speaking skills by themselves, including difficulties with self-regulation, confusion in selecting content suited to their proficiency level, and the lack of detailed feedback. These findings provide valuable insights for English speaking instructors, enabling them to provide better guidance, resources and encouragement for students to effectively utilize OER to practice English speaking skills.

Keywords: Open educational resources, OER, speaking skills, self-directed, English-major students

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Phiếu khảo sát

Phụ lục B:

Phần 1: Nội dung khảo sát

1.1 Quan điểm của sinh viên về những lợi ích của việc sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói.

Đưa ra ý kiến cho biết quan điểm của mình về những câu phát biểu sau đây quan đến lợi ích của việc sử dụng TNGDM trong việc luyện tập kỹ năng nói. Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng với mức độ bạn chọn của mình.

STT	Nội dung khảo sát	Bất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Bất không đồng ý
1	Tôi có thể tiếp cận với người nói thực tế thông qua các nguồn TNGDM.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Các nguồn TNGDM cung cấp cho tôi những bài giảng để hiểu rõ hơn về ngữ pháp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Các nguồn TNGDM cung cấp cho tôi những bài giảng giúp tôi nắm vững kiến thức ngữ pháp cần thiết cho kỹ năng nói của họ như các chủ đề về văn hóa, lịch sử, địa lý, v.v.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện phát âm của mình.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện từ vựng của mình.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện khả năng hiểu và ý tưởng mạch lạc khi nói tiếng Anh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện khả năng hiểu và ý tưởng mạch lạc khi nói tiếng Anh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Việc luyện tập nói qua các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện khả năng hiểu và ý tưởng mạch lạc khi nói tiếng Anh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Thông qua việc luyện tập trên các nguồn TNGDM, cách sử dụng từ vựng của tôi đã được cải thiện một cách đáng kể (idiomatic expressions, idiom, phrasal verbs, v.v.).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Thông qua việc luyện tập trên các nguồn TNGDM, tôi đã cải thiện khả năng hiểu và ý tưởng mạch lạc khi nói tiếng Anh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Việc luyện tập nói trên các nguồn TNGDM giúp tôi cải thiện khả năng hiểu và ý tưởng mạch lạc khi nói tiếng Anh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

1.2 Quan điểm của sinh viên về những thách thức của việc sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói.

Đưa ra ý kiến cho biết quan điểm của mình về những câu phát biểu sau đây quan đến các thách thức của việc sử dụng TNGDM trong việc luyện tập kỹ năng nói. Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng với mức độ bạn chọn của mình.

STT	Nội dung khảo sát	Bất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý	Bất không đồng ý
1	Tôi dễ bị phân tâm bởi các việc làm khác khi tự luyện tập kỹ năng nói trên các nguồn TNGDM (ví dụ: lướt mạng xã hội, xem video giải trí, v.v.).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Việc tự luyện tập kỹ năng nói thông qua các nguồn TNGDM của người nói không có sự tương tác của giáo viên khiến tôi bị lúng túng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Tôi cảm thấy khó khăn trong việc xác định trình độ và khả năng nói tiếng Anh của bản thân khi tự luyện tập với các nguồn TNGDM.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tôi thấy bản thân mình chưa nắm vững kiến thức về ngữ pháp để tự luyện tập kỹ năng nói.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tôi chưa biết nhiều nguồn TNGDM để hỗ trợ cho việc tự luyện tập kỹ năng nói.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Các nguồn TNGDM thiếu sự tương tác đa chiều nên khiến tôi gặp khó khăn trong việc luyện tập hình thức nói thực tế.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

7	Các nguồn TNGDM thường thiếu sự tương tác trực tiếp với người khác khiến tôi gặp khó khăn khi giao tiếp thực tế.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Các nguồn TNGDM thường thiếu những phản hồi chi tiết để giúp tôi nhận ra các lỗi hoặc các vấn đề của mình trong kỹ năng nói.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Khi thực hành ngữ pháp của các nguồn TNGDM qua đi, dường như tôi đang quên đi những kiến thức này ngay sau khi học xong.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Các kiến thức và nội dung của các nguồn TNGDM có thể chưa được cập nhật hoặc lỗi thời.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Các nội dung trên các nguồn TNGDM không tương thích với nội dung của học phần nói ở trên lớp nên khiến tôi gặp khó khăn trong quá trình sử dụng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Tôi gặp khó khăn về mặt kỹ thuật khi sử dụng trình duyệt web để truy cập các nguồn TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Khi gặp các vấn đề về kỹ thuật trong quá trình sử dụng các nguồn TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói thì không biết phải làm sao.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Điền danh sách các thách thức khác của việc sử dụng các nguồn TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói, vui lòng nêu rõ:

Phần 2: Thông tin khách thể

Đưa ra ý kiến trong các mục về thông tin sau đây; mọi thông tin cá nhân của khách thể nghiên cứu đều được bảo mật tuyệt đối.

Câu 1: Giới tính Nam Nữ Khác

Câu 2: Chuyên ngành học của bạn Sư phạm Tiếng Anh Ngôn ngữ Anh

Câu 3: Bạn đã học tiếng Anh được bao lâu? Dưới 5 năm 5-10 năm Trên 10 năm

Câu 4: Bạn có học tiếng Anh phần Nối ở trường không? Không Có

Câu 5: Bạn định gia nhập đội và đang chuẩn bị / đang đăng ký thi vào ngành công nghệ của mình như thế nào? Không tham gia Tham gia Chưa biết

Câu hỏi phỏng vấn bán cấu trúc

1. Theo bạn, việc sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói ngoài giờ lên lớp có cần thiết với sinh viên chuyên ngữ không? Vì sao?
2. Bạn có thể chia sẻ về cách bạn thường sử dụng TNGDM để tự luyện tập kỹ năng nói ngoài giờ lên lớp được không?
3. Theo bạn, việc tự luyện tập kỹ năng nói trên các nguồn TNGDM cho bạn những lợi ích gì?
4. Bạn có gặp khó khăn nào khi tự luyện tập kỹ năng nói trên các nguồn TNGDM không? Nếu có, bạn vui lòng chia sẻ thêm.